

Câu 1: Ưu điểm của CSDL là: [1]. Giảm sự trùng lặp thông tin xuống mức thấp nhất, do đó bảo đảm được tính nhất quán và toàn vẹn dữ liệu. [2]. Dữ liệu có thể được truy xuất theo nhiều cách khác nhau. [3]. Khả năng chia sẻ thông tin cho nhiều người sử dụng và nhiều ứng dụng khác nhau.

- [1] và [2]
- [2] và [3]
- [1] và [3]
- ✓ [1], [2] và [3]

Câu 2: Cơ sở dữ liệu là một hệ thống “...” được lưu trữ trên máy tính và các thiết bị lưu trữ thứ cấp (băng từ, đĩa từ) nhằm thoả mãn yêu cầu khai thác thông tin đồng thời của nhiều người sử dụng hay nhiều chương trình ứng dụng với nhiều mục đích khác nhau. Hãy cho biết “...” được thay thế bằng cụm từ nào sau đây?

- ✓ các thông tin có cấu trúc
- các dữ liệu
- các thông tin rời rạc
- các chương trình ứng dụng

Câu 3: Các thuộc tính khóa là

- các thuộc tính không được chứa trong khóa.
- các thuộc tính nằm bên ngoài khóa.
- các thuộc tính không khóa.
- ✓ các phần tử của tập hợp khóa.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây đúng với mô hình quan niệm trong quá trình thiết kế CSDL?

- ✓ Mô hình quan niệm được thiết kế ở mức quan niệm và độc lập với hệ quản trị.
- Mô hình quan niệm được thiết kế ở mức quan niệm và phụ thuộc vào hệ quản trị cụ thể.
- Mô hình quan niệm được thiết kế ở mức vật lý và không thể lưu trữ trong CSDL.
- Mô hình quan niệm được thiết kế ở mức vật lý và có thể lưu trữ trong CSDL.

Câu 5: Hãy cho biết phát biểu nào sau đây SAI với thuộc tính?

- Thuộc tính là những đặc tính riêng biệt của tập thực thể.
- Thuộc tính là những giá trị nguyên tố.
- Khi phân tích một thuộc tính, thông thường cần xét đến kiểu dữ liệu và miền giá trị tương ứng của thuộc tính đó.
- ✓ Thuộc tính là sự liên kết giữa hai hay nhiều tập thực thể.

Câu 6: Mô hình dữ liệu quan hệ được đề xuất bởi E.F.Codd vào năm nào?

- ✓ 1970
- 1975
- 1980

- 1965

Câu 7: Chọn phát biểu SAI trong các phát biểu sau đây?

- Mỗi bảng có ít nhất một khóa.
- Dữ liệu tại thuộc tính khóa chính không được giống nhau.
- Nên chọn khóa chính là khóa có ít thuộc tính nhất.
- ✓ Trong một bảng có thể có nhiều khóa chính.

Câu 8: Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau đây?

- Một bảng có thể có nhiều khóa chính và mỗi khóa chính có thể có nhiều thuộc tính.
- Một bảng chỉ có một khóa chính và mỗi khóa chính chỉ có một thuộc tính.
- ✓ Một bảng chỉ có một khóa chính và mỗi khóa chính có thể có nhiều thuộc tính.
- Một bảng có thể có nhiều khóa chính và mỗi khóa chính chỉ có một thuộc tính.

Câu 9: Bước nào sau đây KHÔNG nằm trong các bước xây dựng cơ sở dữ liệu?

- Thiết kế.
- Khảo sát.
- Chạy thử.
- ✓ Ký hợp đồng.

Câu 10: Mô hình CSDL phân cấp là mô hình

- dữ liệu được biểu diễn bằng con trỏ.
- dữ liệu được biểu diễn bằng mối quan hệ thực thể.
- dữ liệu được biểu diễn bằng bảng.
- ✓ dữ liệu được biểu diễn bằng cấu trúc cây.

Câu 11: Hãy cho biết phát biểu nào sau đây SAI với lược đồ ER?

- Không lưu trữ lược đồ E/R trong CSDL.
- ✓ Lược đồ ER được dùng để thiết kế CSDL ở mức vật lý.
- Lược đồ E/R chỉ giúp ta thiết kế CSDL trước khi chuyển các quan hệ và dữ liệu xuống mức vật lý.
- Lược đồ ER được dùng để thiết kế CSDL ở mức quan niệm.

Câu 12: Trong mô hình ER, bản số cho biết mối quan hệ của một tập thực thể đối với một mối kết hợp. Hãy cho biết cặp bản số nào sau đây KHÔNG đúng với mô hình ER?

- (0,1)
- (1,1)
- ✓ (n,1)
- (1,n)

Câu 13: Mô hình quan niệm là

- cách nhìn dữ liệu ở mức ngoài.
- nội dung thông tin của một phần dữ liệu dưới cách nhìn của người sử dụng.
- ✓ cách nhìn dữ liệu một cách tổng quát của người sử dụng.
- nội dung thông tin của một phần dữ liệu.

Câu 14: Chọn phát biểu SAI trong các phát biểu sau?

- Thông thường trên một lược đồ quan hệ có thể tồn tại nhiều khóa.
- Khóa chính phải là duy nhất và không chứa giá trị rỗng.
- Có thể thay đổi giá trị tại thuộc tính khóa với các giá trị không trùng lại.
- ✓ Chọn khóa chính chỉ gồm một thuộc tính.

Câu 15: Trong các bước chuyển đổi cấu trúc từ thực thể kết hợp sang quan hệ dữ liệu. Tại bước chuyển các mối kết hợp thành quan hệ. Với mỗi quan hệ “n – n”:

- Không cần chuyển đổi.
- Thêm các thuộc tính khóa chính ở vế quan hệ nhiều vào vế quan hệ ít.
- ✓ Chuyển thành một quan hệ mới và lấy các thuộc tính khóa chính của các loại thực thể tham gia vào mối kết hợp để làm khóa chính.
- Thêm các thuộc tính khóa chính ở vế quan hệ ít vào vế quan hệ nhiều.

Câu 16: Trong các bước chuyển đổi cấu trúc từ thực thể kết hợp sang quan hệ dữ liệu. Tại bước chuyển các mối kết hợp thành quan hệ. Với mỗi quan hệ “1 – 1”:

- ✓ Thêm thuộc tính khóa từ quan hệ bất kỳ trong mối kết hợp sang quan hệ còn lại.
- Thêm các thuộc tính khóa chính ở vế quan hệ nhiều vào vế quan hệ ít.
- Chuyển thành một quan hệ mới và lấy các thuộc tính khóa chính của các loại thực thể tham gia vào mối kết hợp để làm khóa chính.
- Thêm các thuộc tính khóa chính ở vế quan hệ ít vào vế quan hệ nhiều.

Câu 17: Người sử dụng có thể truy nhập:

- Một phần cơ sở dữ liệu.
- ✓ Phụ thuộc vào quyền truy nhập cơ sở dữ liệu.
- Toàn bộ cơ sở dữ liệu.
- Hạn chế.

Câu 18: Trong mô hình thực thể - quan hệ cơ bản bao gồm các lớp đối tượng:

- Thực thể và thuộc tính.
- Môi trường và ranh giới môi trường.
- ✓ Thực thể, mối quan hệ và thuộc tính.
- Các mối quan hệ.

Câu 19: Thuộc tính là một tính chất riêng biệt của một đối tượng. Thuộc tính được đặc trưng bởi các yếu tố: [1]. Tên thuộc tính [2]. Kiểu dữ liệu [3]. Miền giá trị [4]. Mối quan hệ

- ✓ [1], [2], và [3]

- [1], [2], và [4]
- [1], [3], và [4]
- [2], [3], và [4]

Câu 20: Hãy chọn phát biểu SAI cho lược đồ quan hệ?

- Lược đồ quan hệ nhằm mô tả cấu trúc của một quan hệ và các mối liên hệ giữa các thuộc tính trong quan hệ đó.
- Một lược đồ quan hệ gồm một tập thuộc tính của quan hệ kèm theo một mô tả để xác định ý nghĩa và mối liên hệ giữa các thuộc tính.
- Lược đồ quan hệ được đặc trưng bởi một tên phân biệt và một tập hữu hạn các thuộc tính.
- ✓ Lược đồ quan hệ mô tả tình trạng của quan hệ và là tập hợp các bộ giá trị của quan hệ ở thời điểm nhất định.

Câu 21: Các mức biểu diễn một CSDL gồm: [1]. Mức ngoài (còn gọi là mô hình ngoài). [2]. Mức quan niệm (còn gọi là mô hình quan niệm hay mô hình dữ liệu). [3]. Mức trong (còn gọi là mô hình vật lý).

- [1] và [2]
- [2] và [3]
- [1] và [3]
- ✓ [1], [2] và [3]

Câu 22: Trong các phần mềm sau đây, phần mềm nào KHÔNG phải là hệ quản trị cơ sở dữ liệu?

- ✓ Microsoft Excel.
- Microsoft Access.
- Microsoft SQL Server.
- Oracle.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây SAI trong vấn đề chọn khóa của quan hệ?

- Mỗi bảng có ít nhất một khóa.
- Nên chọn khóa chính là khóa có ít thuộc tính nhất.
- ✓ Trong một bảng có thể có nhiều khóa chính.
- Xác định khóa chính phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu chứ không phụ thuộc vào giá trị các dữ liệu.

Câu 24: Một quan hệ trong cơ sở dữ liệu quan hệ có đặc trưng:

- thứ tự của các thuộc tính là quan trọng.
- ✓ thứ tự của các thuộc tính là không quan trọng.
- thứ tự của các thuộc tính trong tập thuộc tính khóa là quan trọng.
- thứ tự của các bộ dữ liệu là quan trọng.

Câu 25: DBMS viết tắt của cụm từ nào?

- ✓ Database Management System
- Database Management System
- Datebase Management System
- Database Menager System

Câu 26: Đặc trưng cấu trúc của mô hình mạng là

- chứa các liên kết một-một và một-nhiều.
- chứa các liên kết một-một, một-nhiều và nhiều-nhiều.
- ✓ chứa các liên kết một-một, một-nhiều và nhiều-một.
- chứa các liên kết một-nhiều và nhiều-một.

Câu 27: Trong mô hình ER, thực thể là

- ✓ các đối tượng.
- các quan hệ.
- các mối liên kết giữa các đối tượng.
- các đối tượng và mối liên kết giữa các đối tượng.

Câu 28: Trong các bước chuyển đổi cấu trúc từ thực thể kết hợp sang quan hệ dữ liệu. Tại bước chuyển các mối kết hợp thành quan hệ. Với mối quan hệ "1 – n":

- Không cần chuyển đổi.
- ✓ Thêm các thuộc tính khóa chính ở vế quan hệ nhiều vào vế quan hệ ít.
- Chuyển thành một quan hệ mới và lấy các thuộc tính khóa chính của các loại thực thể tham gia vào mối kết hợp để làm khóa chính.
- Thêm các thuộc tính khóa chính ở vế quan hệ ít vào vế quan hệ nhiều.

Câu 29: Thứ tự đúng các mức trong mô hình kiến trúc cơ sở dữ liệu là:

- Mức ngoài, mức quan niệm và mức mô hình.
- Mức quan niệm, mức trong và mức ngoài.
- ✓ Mức ngoài, mức quan niệm và mức trong.
- Mức trong, mức mô hình dữ liệu và mức ngoài.

Câu 30: Mô hình thực thể kết hợp do Peter Pin Shan Chen đề xuất vào năm nào?

- 1970
- ✓ 1976
- 1980
- 1986

Câu 31: Cho 2 quan hệ R và S khả hợp. Phép hợp của R và S được ký hiệu là [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image001.png] . Hãy cho biết kết quả trả về của phép hợp được biểu diễn bằng biểu thức nào sau đây (t là các bộ dữ liệu)?

- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image002.png]

- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image003.png]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image004.png]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image005.png]

Câu 32: Cho 2 quan hệ R và S như sau: $R A B \alpha 1 \alpha 2 \beta 1 S A B \alpha 2 \beta 3$ Hãy cho biết kết quả của biểu thức

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image006.png] ?

- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image007.png] $A B \alpha 1 \beta 1$
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image007.png] $A B \alpha 1 \alpha 2 \beta 1$
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image007.png] $A B \alpha 2 \beta 3$
- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image007.png] $A B \alpha 2$

Câu 33: Cho 2 quan hệ R và S khả hợp. Phép trừ của R và S được ký hiệu là $R - S$. Hãy cho biết kết quả trả về của phép trừ được biểu diễn bằng biểu thức nào sau đây (t là các bộ dữ liệu)?

- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image009.png]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image010.png]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image011.png]
- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image012.png]

Câu 34: Cho 2 quan hệ R và S khả hợp. Trong phép toán tập hợp, hãy cho biết biểu thức nào sau đây KHÔNG đúng?

- $R \cup S = S \cup R$
- $R \cap S = S \cap R$
- ✓ $R - S = S - R$
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image014.png]

Câu 35: Cho 2 quan hệ R và S như sau: $R A B \alpha 15 \alpha 22 \alpha 23 \beta 15 \beta 18 \gamma 23 S B 15 23$ Hãy cho biết kết quả của biểu thức $R \div S$?

- $R \div S A \alpha \beta$
- $R \div S A \alpha \beta \gamma$
- ✓ $R \div S A \alpha$
- $R \div S B 15 22 23$

Câu 36: Cho quan hệ R như sau: $R A B C \alpha 15 1 \alpha 22 0 \alpha 23 1 \beta 15 1 \beta 18 0 \gamma 23 0$ Hãy chọn biểu thức để có được kết quả như hình bên dưới $R A C \alpha 1 \alpha 0 \beta 1 \beta 0 \gamma 0$

- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image015.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image016.png]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image017.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image018.jpg]

Câu 37: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 18 0 γ 23 0 Hãy chọn biểu thức để có được kết quả như hình bên dưới R A B α 15 α 22 α 23 β 18 γ 23

- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image020.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image021.jpg]
- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image022.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image023.jpg]

Câu 38: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 18 0 γ 23 0 Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image024.jpg]

- ✓ R A B α 22 α 23
- R A B α 22 α 23 β 18 γ 23
- R A B α 22 α 23 β 15 β 18 γ 23
- R A B α 15 α 22 α 23

Câu 39: Cho lược đồ quan hệ NHANVIEN (MaNV, HoTen, NgSinh, DiaChi, Phai, Luong, Phong) Viết biểu thức ĐSQH cho câu truy vấn: “Hãy cho biết mã nhân viên, họ tên và lương của nhân viên làm việc trong phòng số 4?”

- ✓ $\pi_{\{MaNV, HoTen, Luong\}}(\sigma_{\{Phong\}} = 4(NHANVIEN))$
- $\sigma_{\{MaNV, HoTen, Luong\}}(\pi_{\{Phong\}} = 4(NHANVIEN))$
- $\sigma_{\{Phong\}} = 4(\pi_{\{MaNV, HoTen, Luong\}}(NHANVIEN))$
- $\pi_{\{MaNV, \wedge, HoTen, \wedge, Luong\}}(\sigma_{\{Phong\}} = 4(NHANVIEN))$

Câu 40: Cho 2 quan hệ R và S, tích của R và S ký hiệu là $Q = R \times S$. Kết quả trả về là một quan hệ Q gồm: [1]. Nếu R có u bộ và S có v bộ thì Q sẽ có (u $\times$ v) bộ. [2]. Nếu R có n thuộc tính và S có m thuộc tính thì Q sẽ có (n + m) thuộc tính. [3]. Nếu R có u bộ và S có v bộ thì Q sẽ có (u + v) bộ. [4]. Nếu R có n thuộc tính và S có m thuộc tính thì Q sẽ có (n $\times$ m) thuộc tính.

- [1] và [4]
- ✓ [1] và [2]
- [2] và [3]
- [3] và [4]

Câu 41: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 22 0 γ 23 0 Hãy cho biết kết quả trả về của biểu thức:

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image027.jpg]

- A C α 1 α 0 β 1 β 0 γ 0
- A B α 15 α 22 α 23 β 15 β 22 γ 23
- ✓ A C α 0 β 0 γ 0
- A B C α 22 0 β 22 0 γ 23 0

Câu 42: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 22 0 γ 23 0 Hãy cho biết kết quả trả về của biểu thức
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image028.jpg]

- A C α 1 α 0 β 1 β 0 γ 0
- A α β γ
- A C α 0 α 1 β 1 β 0
- ✓ A α β

Câu 43: Cho 2 quan hệ R và S như sau: R A B C a1 1 1 a2 2 1 a3 2 2 S C D E 1 d1 e1 2 d2 e2 3 d3 e3 Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image030.jpg]

- ✓ A B D E a1 1 d1 e1 a2 2 d1 e1 a3 2 d2 e2
- A B D E a1 1 d1 e1 a2 2 d2 e2 a3 2 d3 e3
- A B C D E a1 1 1 d1 e1 a2 2 1 d2 e2 a3 2 2 d3 e3
- A B C D E a1 1 1 d1 e1 a2 2 1 d1 e1 a3 2 2 d2 e2

Câu 44: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 2 7 α 4 7 β 2 3 γ 2 10 Hãy chọn biểu thức để có được kết quả như sau: R A Sum(C) α 14 β 3 γ 10

- ✓ A θ SUM(C) (R)
- θ SUM(C) (R)
- C θ SUM(A) (R)
- θ SUM(A) (R)

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image031.png]

Câu 45: Cho quan hệ R như sau: R A B C α d1 7 α d2 5 α d2 3 β d1 3 β d2 9 γ e1 10 γ d1 3 Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image032.jpg]

- R A C α 7 α 5 γ 10 γ 3
- ✓ R A C α 7 α 5 γ 10
- R A C α 7 β 9 γ 10
- R A C α 7 α 5 β 9 γ 10

Câu 46: Cho CSDL về thực hiện đề tài của sinh viên gồm 3 quan hệ - SINHVIEN(Masv , HoTen, NamSinh, QueQuan, HocLuc) - DETAI(MaDT , TenDT, KinhPhi, ChuNhiem) - THUCHIEN(MaSV, MaDT , NoiTH, Diem) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết danh sách (mã số) các sinh viên thực hiện nhiều hơn 3 đề tài?”.

- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image033.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image034.jpg]
- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image035.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image036.png]

Câu 47: Cho CSDL về thực hiện đề tài của sinh viên gồm 3 quan hệ - SINHVIEN(Masv , HoTen, NamSinh, QueQuan, HocLuc) - DETAI(MaDT , TenDT, KinhPhi, ChuNhiem) - THUCHIEN(MaSV, MaDT , NoiTH, Diem) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu

câu: “Hãy cho biết họ tên những sinh viên đã thực hiện đề tài tại quê nhà?”.

- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image043.jpg]
- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image044.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image045.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image046.jpg]

Câu 48: Cho CSDL về thực hiện đề tài của sinh viên gồm 3 quan hệ - SINHVIEN(Masv , HoTen, NamSinh, QueQuan, HocLuc) - DETAI(MaDT , TenDT, KinhPhi, ChuNhiem) - THUCHIEN(MaSV, MaDT , NoiTH, Diem) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết tổng kinh phí của các đề tài được áp dụng theo từng nơi? ”.

- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image047.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image048.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image049.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image050.jpg]

Câu 49: Cho 2 quan hệ - SinhVien(MaSV , HoTen, GioiTinh, NgaySinh, NoiSinh, MaLop) - KetQuaThi(MaSV, MaMH, LanThi , DiemThi) Viết biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết những sinh viên chưa hề thi bất cứ môn học nào?”

- SinhVien - KetQuaThi
- ✓ Π MaSV (SinhVien) - Π MaSV (KetQuaThi)
- Π MaSV (KetQuaThi) - Π MaSV (SinhVien)
- σ LanThi = 0 (SinhVien)

Câu 50: Cho 2 quan hệ - SinhVien(MaSV , HoTen, GioiTinh, NgaySinh, NoiSinh, MaLop) - Lop(MaLop , MaKH, TenLop) Viết biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Cho biết số lượng sinh viên ‘nam’ của từng lớp?”.

- ✓ $R_1 \rightarrow \sigma$ GioiTinh = ‘nam’ (SinhVien) KQ $\rightarrow$ MaLop θ COUNT(MaSV) (R 1)
 - $R_1 \rightarrow$ MaLop θ COUNT(MaSV) (SinhVien) KQ $\rightarrow \sigma$ GioiTinh = ‘nam’ (R 1)
 - $R_1 \rightarrow \sigma$ GioiTinh = ‘nam’ (SinhVien) KQ $\rightarrow \Pi$ MaLop (R 1)
 - $R_1 \rightarrow \sigma$ GioiTinh = ‘nam’ (SinhVien)
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image057.png] Lop
- KQ $\rightarrow$ MaLop θ COUNT(MaSV) (SinhVien)

Câu 51: Cho 2 quan hệ - NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) Hãy viết biểu thức đại số quan hệ cho câu truy vấn: “Cho biết những nhân viên chưa hề tham gia bất kỳ đề án nào?”.

- Π MaNV (NHANVIEN) $\setminus$ Π MaNV (PHANCONG)
- ✓ Π MaNV (NHANVIEN) - Π MaNV (PHANCONG)
- Π MaNV (NHANVIEN) $\cap$ Π MaNV (PHANCONG)
- Π MaNV (PHANCONG) - Π MaNV (NHANVIEN)

Câu 52: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 2 7 α 4 7 α 5 10 β 2 3 γ 2 10 Thực hiện các biểu thức sau:

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image058.jpg] Hãy cho biết kết quả trả về của S khi thực hiện bước 1?

- $S_{C_max} \propto 3 \cdot 7 \cdot 10$
- ✓ $S_{C_max} \propto 10$
- $S_{A_C_max} \propto 10 \cdot \beta \cdot 3 \cdot \gamma \cdot 10$
- $S_{A_C_max} \propto 10 \cdot \gamma \cdot 10$

Câu 53: Cho quan hệ R như sau: R A B C α d1 7 α d2 7 β d2 3 β d1 3 γ e1 10 Thực hiện các biểu thức sau:
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image060.jpg] Hãy cho biết kết quả của S sau khi thực hiện biểu thức ở bước 1?

- ✓ $S_{A_Count_B} \propto 2 \cdot \beta \cdot 2 \cdot \gamma \cdot 1$
- $S_{Count_B} \propto 5$
- $S_{B_Count_A} \propto d1 \cdot 2 \cdot d2 \cdot 2 \cdot e1 \cdot 1$
- $S_{Count_B} \propto 3$

Câu 54: Cho quan hệ R như sau: R A B C α d1 7 α d2 7 β d2 3 β d1 3 γ e1 10 Thực hiện các biểu thức sau:
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image061.png] Hãy cho biết kết quả của KQ sau khi thực hiện biểu thức ở bước 2?

- $KQ_{A \propto \beta}$
- ✓ $KQ_{A_Count_B} \propto 2 \cdot \beta \cdot 2$
- $KQ_{A_Count_B} \propto 2 \cdot \beta \cdot 2 \cdot \gamma \cdot 1$
- $KQ_{Count_B} \propto 2$

Câu 55: Cho 3 quan hệ - NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) - PHONGBAN (MaPHG , TenPHG, TrPHG, NG_NhanChuc) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết số lượng nhân viên trong từng phòng ban?”.

- $MaNV \theta COUNT(PHG) (NHANVIEN)$
- ✓ $PHG \theta COUNT(MANV) (NHANVIEN)$
- $PHG \theta COUNT(MANV) (PHANCONG)$
- $PHG \theta COUNT(MANV) (PHONGBAN)$

Câu 56: Cho 3 quan hệ - NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) - DEAN (MaDA , TenDA, DDIEM_DA, Phong) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết họ tên của những nhân viên được phân công tham gia để án có tên là ‘Công trình số 1’?”.

- ✓ $R_1 \bowtie_{TenDA = 'Công\ trình\ số\ 1'} (DEAN) R_2 \bowtie_{NHANVIEN}$
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image067.png]
PHANCONG
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image068.png] $R_1 \bowtie_{KQ \bowtie_{HoTenNV} (R_2)}$
- $R_1 \bowtie_{HoTenNV} (NHANVIEN) R_2 \bowtie_{DEAN}$
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image069.png]
PHANCONG
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image070.png] $R_1 \bowtie_{KQ \bowtie_{TenDA = 'Công\ trình\ số\ 1'} (R_2)}$

- R 1 β NHANVIEN
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image071.png]
PHANCONG
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image072.png] DEAN R
2 β TenDA = 'Công trình số 1' (R 1) KQ β s HoTenNV (R 2)
- R 1 β s HoTenNV (NHANVIEN) R 2 β DEAN
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image069.png]
PHANCONG
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image070.png] R 1
KQ β TenDA = 'Công trình số 1' (R 2)

Câu 57: Trong biểu thức đại số quan hệ, biến là

- ✓ các quan hệ.
- thể hiện của quan hệ.
- chuỗi các phép tính.
- danh sách các thuộc tính.

Câu 58: Cho 2 quan hệ R và S như sau: R A B α 15 α 22 β 18 S A B α 15 β 31 Hãy cho biết kết quả của biểu thức sau

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image008.png] ?

- A B α 15 α 22 β 18 β 31
- ✓ B 15 22 18 31
- B 15
- B α β

Câu 59: Cho 2 quan hệ R(X) và S(Y). Kết quả phép chia $R \div S$ là một quan hệ mới T(Z). Hãy cho biết phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng khi thực hiện phép tính này?

- Tập thuộc tính Z của quan hệ T có được từ tập thuộc tính X của quan hệ R trừ cho tập thuộc tính Y trong quan hệ S.
- Tập thuộc tính Y trong quan hệ S phải là tập con của tập thuộc tính X trong quan hệ R.
- ✓ Tập thuộc tính Z của quan hệ T có được từ tập thuộc tính X của quan hệ R cộng cho tập thuộc tính Y trong quan hệ S.
- Được dùng để lấy ra một số bộ trong quan hệ R sao cho thỏa với tất cả các bộ trong quan hệ S.

Câu 60: Cho 2 quan hệ R và S như sau: R A B α 1 β 2 S B C D α 10 + β 10 + β 20 - γ 10 -
Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image019.jpg]

- A R.B S.B C D α 1 α 10 + α 1 β 10 + β 2 β 20 - β 2 γ 10 -
- A S.B C D α α 10 + α β 10 + β β 20 - β γ 10 -
- A R.B S.B C D α 1 α 10 + β 2 β 20 - β 2 γ 10 -
- ✓ A R.B S.B C D α 1 α 10 + β 2 β 20 - β 2 β 10 +

Câu 61: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 22 0 γ 23 0 Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image025.jpg]

- A B α 15 α 22 α 23
- A α β γ
- ✓ A α
- A α β

Câu 62: Cho 2 quan hệ R và S như sau: R A B C a1 1 1 a2 2 1 a3 2 2 S C D E 1 d1 e1 2 d2 e2 3 d3 e3 Hãy chọn kết quả cho biểu thức bên dưới

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image026.jpg]

- A B R.C S.C D E a1 1 1 1 d1 e1 a3 2 2 1 d1 e1
- ✓ A B R.C S.C D E a2 2 1 1 d1 e1 a3 2 2 1 d1 e1
- A B R.C S.C D E a1 1 1 1 d1 e1 a2 2 1 2 d2 e2 a3 2 2 1 d1 e1
- A B R.C S.C D E a1 1 1 1 d1 e1 a2 2 1 2 d2 e2

Câu 63: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 15 1 α 22 0 α 23 1 β 15 1 β 22 0 γ 23 0 Hãy cho biết kết quả trả về của biểu thức

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image029.jpg]

- KQ A α β γ
- KQ C 0 1
- ✓ KQ A α β
- KQ A C α 0 α 0 β 1 β 0

Câu 64: Cho quan hệ R như sau: R A B C α d1 7 α d2 7 β d2 3 β d1 3 γ e1 10 Hãy chọn biểu thức để có được kết quả như sau: R A Count(B) α 2 β 2 γ 1

- A θ SUM(B) (R)
- θ COUNT(B) (R)
- ✓ A θ COUNT(B) (R)
- B θ COUNT(A) (R)

Câu 65: Cho CSDL về thực hiện đề tài của sinh viên gồm 3 quan hệ - SINHVIEN(Masv , HoTen, NamSinh, QueQuan, HocLuc) - DETAI(MaDT , TenDT, KinhPhi, ChuNhiem) - THUCHIEN(MaSV, MaDT , NoiTH, Diem) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết kinh phí lớn nhất của các đề tài được thực hiện?”.

- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image038.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image039.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image040.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image041.jpg]

Câu 66: Cho 3 quan hệ - NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) - NV_TN (MaNV, MaTN , QuanHe) Hãy viết biểu thức đại số quan hệ cho câu truy vấn: “Cho biết những nhân viên có tham gia đề án và có thân nhân?”.

- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image052.png]
- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image053.jpg]

- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image054.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image055.jpg]

Câu 67: Cho 2 quan hệ - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) - DEAN (MaDA , TenDA, DDIEM_DA, Phong) Hãy viết biểu thức đại số quan hệ cho câu truy vấn: “Cho biết những nhân viên tham gia tất cả các đề án trong danh sách các đề án?”.

- Π MaNV, MaDA (PHANCONG) - Π MaDA (DEAN)
- ✓ Π MaNV, MaDA (PHANCONG) $\div$ Π MaDA (DEAN)
- Π MaNV, MaDA (PHANCONG) $\Join$ MaDA (DEAN)
- Π MaDA (DEAN) $\div$ Π MaNV, MaDA (PHANCONG)

Câu 68: Cho quan hệ R như sau: R A B C α 2 7 α 4 7 α 5 10 β 2 3 γ 2 10 Thực hiện các biểu thức sau:

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image059.jpg] Hãy cho biết kết quả trả về của KQ sau khi thực hiện bước 2?

- ✓ KQ A α γ
- KQ A C_max α 10 γ 10
- S A C_max α 10 β 3 γ 10
- S A α β γ

Câu 69: Cho 2 quan hệ - SinhVien(MaSV , HoTen, GioiTinh, NgaySinh, NoiSinh, MaLop) - Lop (MaLop , MaKH, TenLop) Viết biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Cho biết mã lớp, tên lớp có số sinh viên nhiều nhất so với tất cả các lớp?”.

- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image062.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image063.jpg]
- ✓ [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image064.jpg]
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image065.jpg]

Câu 70: Cho quan hệ NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) Viết câu truy vấn bằng biểu thức ĐSQH cho yêu cầu: “Hãy cho biết họ tên những nhân viên có mức lương cao hơn mức lương của các nhân viên ở phòng ‘NC’?”.

- R 1 (Luong-Max) $\Join$ MAX(Luong) (NHANVIEN) R 2 $\Join$ PHG = ‘NC’ (NHANVIEN) [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image074.png] KQ $\Join$ HoTenNV (R 2
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image075.png] R 1)
- R 1 $\Join$ HoTenNV (NHANVIEN) R 2 $\Join$ PHG = ‘NC’ (R 1) KQ $\Join$ MAX(Luong) (R 2)
- ✓ R 1 $\Join$ PHG = ‘NC’ (NHANVIEN) R 2 (Luong-Max) $\Join$ MAX(Luong) (R 1)
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image076.png] KQ $\Join$ HoTenNV (NHANVIEN
- [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image077.png] R 2)
- R 1 $\Join$ PHG = ‘NC’ (NHANVIEN) R 2 (Luong-Max) $\Join$ MAX(Luong) (R 1) KQ $\Join$ HoTenNV (NHANVIEN)

Câu 71: Trong các tính chất sau: [1] F là tập phụ thuộc hàm có thuộc tính về trái không dư thừa. [2] F là tập phụ thuộc hàm có về phải một thuộc tính. [3] F là tập phụ thuộc hàm không dư thừa. [4] F là tập phụ thuộc hàm có về phải hai thuộc tính. F được gọi là

phủ tối thiểu của tập phụ thuộc hàm nếu thỏa các tính chất

- ✓ [1], [2] và [3]
- [2], [3] và [4]
- [1], [3] và [4]
- [1], [2] và [4]

Câu 72: Đối với phân loại ràng buộc toàn vẹn thuộc về miền giá trị, thì thao tác nào sau đây KHÔNG gây ra vi phạm?

- Thêm.
- ✓ Xóa.
- Sửa.
- Xem.

Câu 73: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D, E)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{A \rightarrow BC, A \rightarrow D, CD \rightarrow E\}$ Phủ tối thiểu của phụ thuộc hàm F là?

- $\{A \rightarrow B, C \rightarrow D, A \rightarrow E\}$
- $\{A \rightarrow B, C \rightarrow D\}$
- $\{A \rightarrow B, B \rightarrow D, A \rightarrow E\}$
- ✓ $\{A \rightarrow B, A \rightarrow C, A \rightarrow D, CD \rightarrow E\}$

Câu 74: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D, E)$ và tập PTH $F = \{A \rightarrow BE, BC \rightarrow D, C \rightarrow D\}$. Phủ tối thiểu của phụ thuộc hàm F là

- ✓ $\{A \rightarrow B, C \rightarrow D, A \rightarrow E\}$
- $\{A \rightarrow B, C \rightarrow D\}$
- $\{A \rightarrow B, B \rightarrow D, A \rightarrow E\}$
- $\{A \rightarrow BE, BC \rightarrow D, C \rightarrow D\}$

Câu 75: Cho lược đồ quan hệ $Q(A, B, C, D, E, G)$ và tập phụ thuộc hàm: $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow A, BC \rightarrow D, ACD \rightarrow B, D \rightarrow EG, BE \rightarrow C, CG \rightarrow BD, CE \rightarrow AG\}$. Cho $X = \{AB\}$, tìm bao đóng của X ?

- $\{ACDE\}$
- $\{ABCDE\}$
- ✓ $\{ABCDEG\}$
- $\{ACDEG\}$

Câu 76: Cho lược đồ quan hệ $Q(A, B, C, D, E, G, H)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{B \rightarrow A; DA \rightarrow CE; D \rightarrow H; GH \rightarrow C; AC \rightarrow D\}$. Bao đóng của tập thuộc tính $\{AC\}$ là?

- ✓ $\{ACDEH\}$
- $\{ABCDEH\}$
- $\{ACEH\}$
- $\{ACDE\}$

Câu 77: Cho lược đồ quan hệ $Q(A, B, C, D, E, G)$ và tập phụ thuộc hàm: $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow A, BC \rightarrow D, ACD \rightarrow B, D \rightarrow EG, BE \rightarrow C, CG \rightarrow BD, CE \rightarrow AG\}$. Cho $X = \{BD\}$, tìm bao đóng của X ?

- ✓ {ABCDEG}
- {BD}
- {BDEG}
- {ABCDE}

Câu 78: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D, E)$ và tập PTH $F = \{A \rightarrow B, BC \rightarrow D, C \rightarrow D\}$. Phủ tối thiểu của phụ thuộc hàm F là?

- $\{A \rightarrow B, C \rightarrow D, B \rightarrow D\}$
- ✓ $\{A \rightarrow B, C \rightarrow D\}$
- $\{BC \rightarrow D, C \rightarrow D\}$
- $\{A \rightarrow B, BC \rightarrow D, C \rightarrow D\}$

Câu 79: Cho quan hệ Kết quả thi như sau: KQTHI(MaSV, MaMH, LanThi, Diem). Với ràng buộc “Mỗi sinh viên chỉ được phép thi tối đa 2 lần”. Các đặc trưng của ràng buộc trên như sau: - Nội dung:

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image083.png] - Bối cảnh: KQTHI - Bảng tầm ảnh hưởng: Hãy cho biết Bảng tầm ảnh hưởng nào sau đây đúng với ràng buộc toàn vẹn trên?

- ✓ ràng buộc toàn vẹn Thêm Xóa Sửa KQTHI + - +(LanThi)
- ràng buộc toàn vẹn Thêm Xóa Sửa KQTHI - + +(LanThi)
- ràng buộc toàn vẹn Thêm Xóa Sửa KQTHI + - -(*)
- ràng buộc toàn vẹn Thêm Xóa Sửa KQTHI + -(*) +(LanThi)

Câu 80: Cho các quan hệ sau: [1].DEAN (MADA, TENDA, DDIEM_DA, NGBD_DK, NGKT_DK) [2].NHANVIEN(MANV, HOTENNV, NGSINH, PHAI, PHONG, MLUONG) [3].PHANCONG(MANV, MADA, TGIAN) Hãy cho biết ràng buộc toàn vẹn nào sau đây thuộc loại ràng buộc toàn vẹn miền giá trị?

- Ngày bắt đầu dự kiến luôn luôn nhỏ hơn ngày kết thúc dự kiến.
- Mọi đề án điều khác nhau ở Mã đề án.
- Mỗi nhân viên có thể tham gia nhiều đề án và mỗi đề án có thể có nhiều nhân viên tham gia.
- ✓ Thời gian mà mỗi nhân viên thực hiện một đề án không được vượt quá 35 giờ/tuần.

Câu 81: Xét lược đồ quan hệ DEAN (MaDA, TenDA, DDiem_DA, Phong, NgBD_DK, NgKT_DK) Xét ràng buộc toàn vẹn R2: + Ngôn ngữ tự nhiên: “Với mọi đề án, ngày bắt đầu dự kiến (NGBD_DK) phải nhỏ hơn ngày kết thúc dự kiến (NGKT_DK)” + Ngôn ngữ hình thức:

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image085.png] sao cho [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image086.png] Hãy cho biết ràng buộc toàn vẹn trên thuộc loại?

- Ràng buộc miền giá trị.
- Ràng buộc liên bộ.
- Ràng buộc khóa ngoại.
- ✓ Ràng buộc liên thuộc tính.

Câu 82: Xét lược đồ quan hệ DEAN (MaDA , TenDA, DDiem_DA, Phong, NgBD_DK, NgKT_DK) Xét các đặc trưng của ràng buộc toàn vẹn R3: - Nội dung: + Với mọi đề án, ngày bắt đầu dự kiến (NGBD_DK) phải nhỏ hơn ngày kết thúc dự kiến (NGKT_DK) + [\[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image087.png\]](https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image087.png) - Bối cảnh: DEAN Hãy cho biết bảng tầm ảnh hưởng nào sau đây đúng với ràng buộc toàn vẹn R3?

- R3 Thêm Xóa Sửa DEAN - + -(*)
- R3 Thêm Xóa Sửa DEAN - + -
- ✓ R3 Thêm Xóa Sửa DEAN + - +
- R3 Thêm Xóa Sửa DEAN + - -

Câu 83: Xét lược đồ quan hệ: PHONGBAN(MaPB , TenPB, TrPB, NgayNC) - Xét ràng buộc toàn vẹn R4: + Nội dung: • Hai bộ khác nhau sẽ khác nhau tại giá trị khóa • [\[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image088.png\]](https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image088.png) [\[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image089.png\]](https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image089.png) + Bối cảnh : PHONGBAN Hãy cho biết bảng tầm ảnh hưởng nào sau đây đúng với ràng buộc toàn vẹn trên?

- R4 Thêm Xóa Sửa PHONGBAN - + -
- R4 Thêm Xóa Sửa PHONGBAN - + -(*)
- R4 Thêm Xóa Sửa PHONGBAN + - -
- ✓ R4 Thêm Xóa Sửa PHONGBAN + - -(*)

Câu 84: Xét các lược đồ quan hệ PHONGBAN (MaPB , TenPB, TrPB, NgayNC) NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, NgSinh, Phai, Luong, MaPB) - Xét ràng buộc toàn vẹn R5: + Nội dung : • Mỗi nhân viên chỉ làm việc duy nhất tại một phòng ban và một phòng ban có thể có nhiều nhân viên. • "n ∈ NHANVIEN, ∃!p ∈ PHONGBAN: n[MaPB]=P[MaPB] + Bối cảnh: NHANVIEN, PHONGBAN Hãy cho biết bảng tầm ảnh hưởng nào sau đây đúng với ràng buộc toàn vẹn?

- ✓ R5 Thêm Xóa Sửa PHONGBAN - + -(*) NHANVIEN + - +
- R5 Thêm Xóa Sửa PHONGBAN + - + NHANVIEN - + -(*)
- R5 Thêm Xóa Sửa PHONGBAN - + -(*) NHANVIEN - + -(*)
- R5 Thêm Xóa Sửa PHONGBAN + - -(*) NHANVIEN + - +

Câu 85: Hệ tiên đề Armstrong gồm 3 tính chất của phụ thuộc hàm. Hãy cho biết đó là những tính chất nào sau đây?

- ✓ Tính phản xạ, tính bắc cầu và tính mở rộng.
- Tính phản xạ, tính phân rã và tính tựa bắc cầu.
- Tính bắc cầu, tính mở rộng và tính hợp.
- Tính phản xạ, tính mở rộng và tính cộng đầy đủ.

Câu 86: Dựa vào 3 tính chất của hệ tiên đề Armstrong [1]. Tính phản xạ: [\[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image079.png\]](https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image079.png) [2]. Tính bắc cầu: [\[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image080.png\]](https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image080.png) [3]. Tính mở rộng 2 vế: [\[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image081.png\]](https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image081.png) Cho biết tính tích lũy

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image082.png] được suy ra từ những tính chất nào của Armstrong?

- [1] và [3]
- ✓ [3] và [2]
- [1] và [3]
- [1] và [2]

Câu 87: Cho lược đồ quan hệ $Q(A,B,C,D,E,G,H)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{B \rightarrow A; DA \rightarrow CE; D \rightarrow H; GH \rightarrow C, C \rightarrow E\}$. Tìm phủ tối thiểu của Q ?

- $\{AD \rightarrow C, AD \rightarrow E, GH \rightarrow C, A \rightarrow B, D \rightarrow H, C \rightarrow E\}$
- $\{B \rightarrow A; DA \rightarrow CE; D \rightarrow H; GH \rightarrow C, C \rightarrow E\}$
- ✓ $\{AD \rightarrow C, GH \rightarrow C, A \rightarrow B, D \rightarrow H, C \rightarrow E\}$
- $\{B \rightarrow A; DA \rightarrow C; D \rightarrow H; H \rightarrow C\}$

Câu 88: Cho lược đồ quan hệ $Q(A,B,C,D,E,G,H)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{B \rightarrow A; DA \rightarrow CE; D \rightarrow H; GH \rightarrow C; AC \rightarrow D\}$. Bao đóng của tập thuộc tính $\{GH\}$ là?

- $\{GHCD\}$
- $\{GHCDE\}$
- ✓ $\{GHC\}$
- $\{ACDE\}$

Câu 89: Phát biểu nào sau đây SAI với thuật toán tìm phủ tối thiểu của phụ thuộc hàm?

- Loại bỏ các thuộc tính có vế trái dư thừa của mọi phụ thuộc hàm.
- Phân rã các phụ thuộc hàm có vế phải nhiều thuộc tính thành các phụ thuộc hàm có vế phải một thuộc tính.
- ✓ Phân rã các phụ thuộc hàm có vế trái nhiều thuộc tính thành các phụ thuộc hàm có vế trái một thuộc tính.
- Loại bỏ các phụ thuộc hàm dư thừa khỏi danh sách các phụ thuộc hàm ban đầu.

Câu 90: CSDL Quản lý hoá đơn bán hàng gồm các bảng sau: HoaDon(MaHD ,SoLoaiMH, TongTien) DM_Hang(MaMH , TenMH, DVT) ChiTietHD(MaHD, MaMH , SLuong, DGia, TTien) Xét ràng buộc toàn vẹn R1 như sau: + Ngôn ngữ tự nhiên: “Mỗi hoá đơn có một mã số hoá đơn (MaHD) riêng biệt không trùng với hoá đơn khác”. + Ngôn ngữ hình thức: [https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image084.png] Hãy cho biết ràng buộc toàn vẹn trên thuộc loại?

- Ràng buộc miễn giá trị.
- ✓ Ràng buộc liên bộ.
- Ràng buộc khóa ngoại.
- Ràng buộc liên thuộc tính.

Câu 91: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D, E, G, H)$ và tập PTH $F = \{B \rightarrow A, DA \rightarrow CE, D \rightarrow H, GH \rightarrow C, AC \rightarrow D\}$. Hãy cho biết tập nguồn của R dựa vào PTH F là?

- ✓ $\{BG\}$
- $\{E\}$

- {ACDH}
- {ABG}

Câu 92: Cho lược đồ quan hệ Q(ABCDEH) và phụ thuộc hàm $F = \{A \rightarrow E, C \rightarrow D, E \rightarrow DH\}$. Khóa của lược đồ Q là:

- {ABE}
- ✓ {ABC}
- {BCE}
- {BCD}

Câu 93: Quan hệ R được gọi là dạng chuẩn 2NF, khi và chỉ khi:

- ✓ Là 1NF và mọi thuộc tính không khóa phụ thuộc đầy đủ vào khóa.
- Là 1NF và các thuộc tính không khóa phụ thuộc không đầy đủ vào khóa.
- Tồn tại
[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image090.png] sao cho X là tập con của khóa và Y là thuộc tính không khóa.
- Là 1NF và tồn tại các thuộc tính không khóa phụ thuộc đầy đủ vào khóa và không phụ thuộc bắc cầu.

Câu 94: Trong quan hệ đạt dạng chuẩn 3NF:

- ✓ Nếu mọi thuộc tính không khóa đều phụ thuộc đầy đủ vào khóa và không phụ thuộc bắc cầu vào khóa.
- Nếu mọi thuộc tính không khóa đều phụ thuộc không đầy đủ vào khóa và không phụ thuộc bắc cầu.
- Nếu tồn tại thuộc tính không khóa phụ thuộc đầy đủ vào khóa và phụ thuộc bắc cầu.
- Nếu tồn tại thuộc tính không khóa không phụ thuộc đầy đủ vào khóa và phụ thuộc bắc cầu.

Câu 95: Một quan hệ đạt dạng chuẩn 2NF có thể chuyển đổi về các quan hệ đạt 3NF bằng cách:

- ✓ Loại bỏ các phụ thuộc bắc cầu vào khóa.
- Loại bỏ các phụ thuộc không đầy đủ vào khóa.
- Loại bỏ các phụ thuộc không đầy đủ vào khóa và bắc cầu vào khóa.
- Loại bỏ các phụ thuộc đầy đủ vào khóa và bắc cầu vào khóa.

Câu 96: Cho lược đồ quan hệ Q(ABCDEH) và phụ thuộc hàm $F = \{A \rightarrow E, C \rightarrow D, E \rightarrow DH\}$. Dạng chuẩn cao nhất của Q là:

- ✓ Dạng chuẩn 1.
- Dạng chuẩn 2.
- Dạng chuẩn 3.
- Dạng chuẩn BC.

Câu 97: Cho lược đồ quan hệ Q(ABCDEFGH) và tập phụ thuộc hàm $F = \{A \rightarrow D, AB \rightarrow DE, CE \rightarrow G\}$. Lược đồ quan hệ Q có:

- 2 khóa
- ✓ 1 khóa
- 3 khóa
- 4 khóa

Câu 98: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D)$ và PTH $F = \{AB \rightarrow C, B \rightarrow D, BC \rightarrow A\}$. Tìm khóa của lược đồ trên?

- $\{AB\}$ và $\{CD\}$
- ✓ $\{AB\}$ và $\{BC\}$
- $\{BC\}$ và $\{CD\}$
- $\{AC\}$ và $\{BC\}$

Câu 99: Cho Q 1 (A, B, C, D) , và phụ thuộc hàm $F = \{A \rightarrow B, B \rightarrow DC\}$. Tìm khóa của Q 1?

- ✓ $\{A\}$
- $\{B\}$
- $\{AB\}$
- $\{CD\}$

Câu 100: Cho Q 1 (A, B, C, D) , và phụ thuộc hàm $F = \{A \rightarrow B, B \rightarrow DC\}$. Hãy cho biết dạng chuẩn cao nhất của Q 1?

- Dạng chuẩn 1NF.
- ✓ Dạng chuẩn 2NF.
- Dạng chuẩn 3NF.
- Dạng chuẩn Boyce-Codd.

Câu 101: Cho lược đồ quan hệ $Q(A, B, C, D)$ và PTH $F = \{AB \rightarrow C, D \rightarrow B, C \rightarrow ABD\}$. Hãy cho biết Q có tất cả là bao nhiêu khóa?

- 1 khóa
- 2 khóa
- ✓ 3 khóa
- 4 khóa

Câu 102: Cho lược đồ quan hệ $Q(A, B, C, D)$ và PTH $F = \{AB \rightarrow C, D \rightarrow B, C \rightarrow ABD\}$. Hãy cho dạng chuẩn cao nhất của Q?

- Không đạt chuẩn 1NF.
- Dạng chuẩn 1NF.
- Dạng chuẩn 2NF.
- ✓ Dạng chuẩn 3NF.

Câu 103: Cho $Q(ABCD)$ và tập PTH $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow ABD\}$. Hãy cho biết Q có tất cả bao nhiêu khóa?

- 1 khóa

- ✓ 2 khóa
- 3 khóa
- 4 khóa

Câu 104: Cho $Q(ABCD)$ và tập PTH $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow ABD\}$. Hãy cho biết dạng chuẩn cao nhất của Q ?

- Không đạt chuẩn 1NF.
- Đạt chuẩn 1NF.
- ✓ Đạt chuẩn 2NF.
- Đạt chuẩn 3NF.

Câu 105: Trong thuật toán tìm khóa của lược đồ quan hệ Q , hãy cho biết phát biểu nào sau đây đúng với khóa?

- Khóa chỉ chứa các thuộc tính có trong tập nguồn.
- Khóa là tập các thuộc tính có trong tập nguồn hoặc các thuộc tính nguồn hợp với các thuộc tính đích.
- ✓ Khóa là tập các thuộc tính có trong tập nguồn hoặc các thuộc tính nguồn hợp với các thuộc tính trung gian.
- Khóa chỉ chứa các thuộc tính trung gian.

Câu 106: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C)$ và tập PTH $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow A\}$. Khóa của lược đồ R là:

- $\{B\}$ và $\{A\}$
- $\{AB\}$ và $\{B\}$
- $\{BC\}$ và $\{AC\}$
- ✓ $\{AB\}$ và $\{BC\}$

Câu 107: Một quan hệ đạt dạng chuẩn 1NF có thể chuyển đổi về các quan hệ đạt 2NF bằng cách:

- Loại bỏ các phụ thuộc bắc cầu vào khóa.
- ✓ Loại bỏ các phụ thuộc không đầy đủ vào khóa.
- Loại bỏ các phụ thuộc không đầy đủ vào khóa và bắc cầu vào khóa.
- Loại bỏ các phụ thuộc đầy đủ vào khóa và bắc cầu vào khóa.

Câu 108: Cho lược đồ quan hệ $R(ABCDM)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{CD \rightarrow M, M \rightarrow AC, M \rightarrow B\}$. Khóa của lược đồ R là:

- $\{AB\}$ và $\{CD\}$
- $\{AB\}$ và $\{CM\}$
- ✓ $\{CD\}$ và $\{DM\}$
- $\{BC\}$ và $\{DM\}$

Câu 109: Cho lược đồ quan hệ $R(A, B, C, D)$ và PTH $F = \{AB \rightarrow C, B \rightarrow D, BC \rightarrow A\}$. Hãy cho biết dạng chuẩn của R ?

- Không đạt dạng chuẩn 1.
- ✓ Không đạt dạng chuẩn 2.
- Đạt dạng chuẩn 2.
- Đạt dạng chuẩn 3.

Câu 110: Cho $Q(ABCD)$ và tập PTH $F = \{AB \rightarrow C, C \rightarrow ABD\}$. Tìm tất cả các khóa của Q ?

- $\{AB\}$ và $\{D\}$
- $\{C\}$ và $\{AD\}$
- ✓ $\{C\}$ và $\{AB\}$
- $\{AB\}$ và $\{AD\}$

Câu 111: Trong ngôn ngữ SQL, câu lệnh nào sau đây không làm thay đổi dữ liệu?

- Insert
- Update
- Delete
- ✓ Select

Câu 112: Câu lệnh nào sau đây dùng để thêm thuộc tính mới vào cấu trúc bảng?

- ✓ ALTER TABLE Tên_bảng ADD Tên_cộtKiểu_dữ_liệu
- ALTER TABLE Tên_bảng ALTER Tên_cộtKiểu_dữ_liệu
- ALTER TABLE Tên_bảng ADD COLUMN Tên_cộtKiểu_dữ_liệu
- ALTER TABLE Tên_bảng DROP COLUMN Tên_cộtKiểu_dữ_liệu

Câu 113: Từ khóa nào sau đây dùng để xóa cơ sở dữ liệu?

- DELETE DATABASE
- ✓ DROP DATABASE
- DROP TABLE
- DELETE TABLE

Câu 114: Trong câu lệnh SQL, để gom nhóm dữ liệu ta sử dụng mệnh đề nào sau đây?

- SELECT
- ✓ GROUP BY
- HAVING
- WHERE

Câu 115: Trong CSDL, thao tác nào sau đây không làm thay đổi dữ liệu?

- Thêm dữ liệu.
- Xóa dữ liệu.
- ✓ Truy vấn dữ liệu.
- Cập nhật dữ liệu.

Câu 116: Trong SQL, để khai báo chuỗi ký tự có độ dài ô nhớ cố định, số ký tự tối đa là 8000 và không hỗ trợ Unicode, ta chọn kiểu dữ liệu nào sau đây?

- ✓ char
- nchar
- varchar
- nvarchar

Câu 117: Cú pháp câu lệnh nào sau đây được sử dụng để sao lưu lại CSDL?

- BACKUP DATABASE TO
- DATABASE BACKUP TO
- ✓ BACKUP DATABASE TO
- BACKUP DATABASE TO

Câu 118: Ràng buộc được ấn định toàn vẹn miền giá trị bằng cách giới hạn các giá trị có thể đưa vào một thuộc tính. Hãy cho biết loại ràng buộc đó?

- PRIMARY KEY
- UNIQUE
- DEFAULT
- ✓ CHECK

Câu 119: Trong SQL Server, cơ sở dữ liệu được lưu trữ dưới dạng file. Hãy cho biết file dữ liệu chính có phần mở rộng được định dạng như thế nào sau đây?

- ✓ "*.mdf"
- "*.ndf"
- "*.mdb"
- "*.dmf"

Câu 120: Trong SQL Server, để tạo cơ sở dữ liệu ta sử dụng câu lệnh có cú pháp nào sau đây?

- ✓ CREATE DATABASE
- CREATE
- CREATE TABLE
- CREATE TABLE

Câu 121: Trong SQL server, khi thực thi câu lệnh, nếu xuất hiện thông báo "Invalid object name ". Hãy cho biết thông báo lỗi gì sau đây?

- ✓ Không tìm thấy tên bảng.
- Tên thuộc tính không tìm thấy trong bảng.
- Tên thuộc tính có mặt ở nhiều bảng.
- Sai kiểu dữ liệu của thuộc tính trong bảng.

Câu 122: Trong SQL Server, để kiểm tra điều kiện theo mẫu dạng chuỗi tương đương "LIKE". Hãy cho biết ký hiệu nào sau đây đại diện cho một ký tự bất kỳ trong chuỗi?

- “?”
- ✓ “ _ ”
- “%”
- “*”

Câu 123: Trong SQL Server, để kiểm tra điều kiện theo mẫu dạng chuỗi tương đương “LIKE”. Hãy cho biết ký hiệu nào sau đây đại diện cho một chuỗi ký tự bất kỳ trong chuỗi?

- “?”
- “ _ ”
- ✓ “%”
- “*”

Câu 124: Cho 2 quan hệ NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, NgSinh, DChi, Phai, Luong, MaNQL, Phg) PHONGBAN(MaPB , TenPB, TrgPB, NgayNC) Viết câu truy vấn ngôn ngữ SQL cho yêu cầu: “Với mỗi phòng ban hãy cho biết thông tin của người trưởng phòng?”.

- ✓ SELECT * FROM NHANVIEN n, PHONGBAN p WHERE n.MaNV= p.TrgPB
- SELECT * FROM NHANVIEN n, PHONGBAN p WHERE n.Phg = p.MaPB
- SELECT * FROM NHANVIEN n, PHONGBAN p HAVING n.Phg = p.MaPB
- SELECT * FROM NHANVIEN n, PHONGBAN p WHERE n.MaNV= p.TrgPB GROUP BY MaPB

Câu 125: Để tạo cấu trúc bảng bằng ngôn ngữ SQL ta sử dụng lệnh nào sau đây?

- ✓ Create Table
- Create databases
- Alter table
- Drop table

Câu 126: SQL là tên viết tắt của cụm từ:

- ✓ Structure Query Language
- Query Structure Language
- Structure Question Language
- Structure Query Locator

Câu 127: Để sửa đổi cấu trúc bảng bằng cách thêm ràng buộc toàn vẹn khóa chính ta có cú pháp: ALTER TABLE ADD CONSTRAINT khóa chính Yêu cầu: Từ khóa “khóa chính” được thay thế bởi cụm từ nào sau đây?

- UNIQUE Tên_cột
- ✓ PRIMARY KEY Tên_cột
- FOREIGN KEY Tên_cột
- CHECK Tên_cột

Câu 128: Để sửa đổi cấu trúc bảng bằng cách thêm ràng buộc toàn vẹn khóa ngoại ta có cú pháp: ALTER TABLE ADD CONSTRAINT khóa ngoại REFERENCES Tên_bảng (Tên_cột_khóa_chính) Yêu cầu: Từ khóa “khóa ngoại” được thay thế bởi cụm từ nào sau đây?

- UNIQUE Tên_cột
- PRIMARY KEY Tên_cột
- ✓ FOREIGN KEY Tên_cột
- CHECK Tên_cột

Câu 129: Từ khóa nào sau đây dùng để xóa ràng buộc toàn vẹn?

- DELETE CONSTRAINT
- ✓ DROP CONSTRAINT
- CONSTRAINT DROP
- CONSTRAINT DELETE

Câu 130: Hãy cho biết thứ tự trong câu lệnh SELECT như thế nào là đúng với các cách sắp xếp bên dưới?

- SELECT, FROM, WHERE, HAVING, GROUP BY, ORDER BY
- SELECT, WHERE, FROM, HAVING, GROUP BY, ORDER BY
- ✓ SELECT, FROM, WHERE, GROUP BY, HAVING, ORDER BY
- SELECT, WHERE, FROM, GROUP BY, HAVING, ORDER BY

Câu 131: Trong câu lệnh SQL, để tính điều kiện sau khi gom nhóm dữ liệu ta sử dụng mệnh đề nào sau đây?

- GROUP BY
- ✓ HAVING
- WHERE
- FROM

Câu 132: Trong ngôn ngữ SQL, để tính điều kiện tương tự như phép chọn trong đại số quan hệ ta đặt điều kiện trong mệnh đề nào sau đây?

- SELECT
- ORDER BY
- HAVING
- ✓ WHERE

Câu 133: Trong SQL, để khai báo chuỗi ký tự có độ dài ô nhớ cố định, số ký tự tối đa là 8000 và có hỗ trợ Unicode, ta chọn kiểu dữ liệu nào sau đây?

- char
- ✓ nchar
- varchar
- nvarchar

Câu 134: Trong SQL, để khai báo chuỗi ký tự có độ dài ô nhớ không cố định, số ký tự tối đa là 8000 và có hỗ trợ Unicode, ta chọn kiểu dữ liệu nào sau đây?

- char
- nchar
- varchar
- ✓ nvchar

Câu 135: Trong SQL, để khai báo chuỗi ký tự có độ dài ô nhớ không cố định, số ký tự tối đa là 8000 và không hỗ trợ Unicode, ta chọn kiểu dữ liệu nào sau đây?

- char
- nchar
- ✓ varchar
- nvarchar

Câu 136: Cú pháp câu lệnh nào sau đây được sử dụng để phục hồi dữ liệu từ tập tin đã sao lưu?

- ✓ RESTORE DATABASE FROM DISK = '< đường dẫn và tên tập tin sao lưu >'
- RESTORE DATABASE FROM DISK = '< đường dẫn và tên tập tin sao lưu >'
- DATABASE RESTORE FROM DISK = '< đường dẫn và tên tập tin sao lưu >'
- DATABASE RESTORE FROM DISK = '< đường dẫn và tên tập tin sao lưu >'

Câu 137: Trong MS SQL Server, để ghi một dòng chú thích chúng ta sử dụng ký hiệu nào sau đây trước dòng dữ liệu cần chú thích?

- ✓ "--"
- "//"
- "?"
- "*"

Câu 138: Ràng buộc được ấn định toàn vẹn thực thể đảm bảo tính duy nhất của dữ liệu và có thể ràng buộc cho nhiều thuộc tính trong một bảng dữ liệu. Hãy cho biết loại ràng buộc đó?

- PRIMARY KEY
- ✓ UNIQUE
- DEFAULT
- CHECK

Câu 139: <...> là ràng buộc ấn định toàn vẹn thực thể cho một hoặc nhiều cột thông qua một chỉ mục duy nhất. Mỗi bảng chỉ có một ràng buộc này và còn gọi là ràng buộc khóa chính. Hãy cho biết <...> là từ khóa nào sau đây?

- ✓ PRIMARY KEY
- UNIQUE
- DEFAULT
- CHECK

Câu 140: Trong MS SQL Server, để ghi một đoạn chú thích chúng ta đặt chú thích trong cặp ký hiệu nào sau đây?

- “*/ chú thích */”
- “*/ chú thích /*”
- “”
- ✓ “/* chú thích */”

Câu 141: Trong SQL Server, câu lệnh nào sau đây được sử dụng để kiểm tra ràng buộc toàn vẹn khóa chính của quan hệ?

- Sp_key
- Sp_pkey
- S_pkeys
- ✓ Sp_pkeys

Câu 142: Trong ngôn ngữ SQL câu lệnh nào sau đây được dùng để thêm ràng buộc toàn vẹn khóa ngoại bên ngoài câu lệnh tạo bảng?

- ✓ ALTER TABLE Tên_Bảng ADD CONSTRAINT Tên_ràng buộc toàn vẹn FOREIGN KEY (khóa ngoại) REFERENCES Bảng_Tham_Chiếu(khóa chính)
- CONSTRAINT Tên_ràng buộc toàn vẹn FOREIGN KEY (khóa ngoại) REFERENCES Bảng_Tham_Chiếu(khóa chính)
- ALTER TABLE Tên_Bảng DROP CONSTRAINT Tên_ràng buộc toàn vẹn FOREIGN KEY (khóa ngoại) REFERENCES Bảng_Tham_Chiếu(khóa chính)
- CONSTRAINT ADD Tên_ràng buộc toàn vẹn FOREIGN KEY (khóa ngoại) REFERENCES Bảng_Tham_Chiếu(khóa chính)

Câu 143: Trong SQL server, khi thực thi câu lệnh, nếu xuất hiện thông báo “Invalid column name”. Hãy cho biết thông báo lỗi gì sau đây?

- Không tìm thấy tên bảng.
- ✓ Tên thuộc tính không tìm thấy trong bảng.
- Tên thuộc tính có mặt ở nhiều bảng.
- Sai kiểu dữ liệu của thuộc tính.

Câu 144: Trong SQL server, khi thực thi câu lệnh, nếu xuất hiện thông báo “Ambiguous column name”. Hãy cho biết thông báo lỗi gì sau đây?

- Không tìm thấy tên bảng.
- Tên thuộc tính không tìm thấy trong bảng.
- ✓ Tên thuộc tính có mặt ở nhiều bảng.
- Sai kiểu dữ liệu của thuộc tính trong bảng.

Câu 145: Trong SQL server, khi thực thi câu lệnh, nếu xuất hiện thông báo “Incorrect Syntax near”. Hãy cho biết thông báo lỗi gì sau đây?

- Không tìm thấy tên bảng.
- Tên thuộc tính không tìm thấy trong bảng.

- Tên thuộc tính có mặt ở nhiều bảng.
- ✓ Lỗi cú pháp.

Câu 146: Cho lược đồ quan hệ NHANVIEN(MaNV, HoTen, Phai, NgSinh, DiaChi, Phong, Luong). Với yêu cầu: Sửa họ tên của nhân viên có mã số '001' thành 'Nguyen Thanh' và ngày sinh mới là 1/1/1978. Hãy chọn câu lệnh update để thực thi yêu cầu trên?

- ✓ UPDATE NHANVIEN SET HoTen = 'Nguyen Thanh',NgSinh= '1/1/1978' WHERE MANV= '001'
- UPDATE NHANVIEN SET HoTen = 'Nguyen Thanh' ANDNgSinh= '1/1/1978' WHERE MANV= '001'
- UPDATE NHANVIEN SET MANV = '001' WHERE HoTen = 'Nguyen Thanh',NgSinh= '1/1/1978'
- UPDATE NHANVIEN SET MANV= '001' WHERE HoTen = 'Nguyen Thanh' ANDNgSinh= '1/1/1978'

Câu 147: Cho lược đồ quan hệ NHANVIEN (MaNV , HoNV, tenNV, NgaySinh, DiaChi, Phai, Luong, MaNQL, Phong). Câu lệnh truy vấn SQL nào sau đây được viết cho yêu cầu "Hãy cho biết các phòng ban có lương trung bình lớn hơn 2500000"?

- ✓ SELECT Phong, AVG(Luong) FROM NHANVIEN GROUP BY Phong HAVING AVG(Luong) > 2500000
- SELECT Phong, AVG(Luong) FROM NHANVIEN HAVING AVG(Luong) > 2500000
- SELECT Phong, AVG(Luong) FROM NHANVIEN GROUP BY Phong WHERE AVG(Luong) > 2500000
- SELECT Phong, AVG(Luong) FROM NHANVIEN WHERE AVG(Luong) > 2500000

Câu 148: Câu lệnh SQL có dạng:

[https://s3.cloud.cmctelecom.vn/tvu/220096_CoSoDuLieu/QUIZ/image091.png] Điều kiện chứa select con có dạng sau: ALL (). Hãy cho biết điều kiện này đúng khi:

- Giá trị của cột so sánh đúng với giá trị trả về từ select con.
- ✓ Giá trị của cột so sánh đúng với tất cả các giá trị trả về từ select con.
- Giá trị của cột so sánh đúng với bất kỳ một giá trị nào trả về từ select con.
- Giá trị của cột nằm trong tập hợp các giá trị trả về từ select con.

Câu 149: Cho 3 quan hệ - NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, Phai, Luong, PHG, NGSinh) - PHANCONG (MaNV, MaDA , ThoiGian) - DEAN (MaDA , TenDA, DDIEM_DA, Phong) Viết câu truy vấn ngôn ngữ SQL cho yêu cầu: "Hãy cho biết họ tên của những nhân viên được phân công tham gia để án có tên là 'Công trình số 1'".

- SELECT HoTenNV FROM NHANVIEN n, PHANCONG p, DEAN d WHERE TenDA = 'Công trình số 1'
- ✓ SELECT HoTenNV FROM NHANVIEN n, PHANCONG p, DEAN d WHERE n.MaNV = p.MaNV AND p.MaDA = d.MaDA AND TenDA = 'Công trình số 1'
- SELECT * FROM NHANVIEN n, PHANCONG p, DEAN d WHERE n.MaNV = p.MaNV AND p.MaDA = d.MaDA GROUP BY MaDA HAVING TenDA = 'Công trình số 1'
- SELECT HoTenNV FROM NHANVIEN n, PHANCONG p, DEAN d WHERE n.MaNV = p.MaNV AND p.MaDA = d.MaDA HAVING TenDA = 'Công trình số 1'

Câu 150: Cho 2 quan hệ NHANVIEN (MaNV , HoTenNV, NgSinh, DChi, Phai, Luong, MaNQL, Phg) PHONGBAN(MaPB , TenPB, Trg_PB, NgayNC) Viết câu truy vấn ngôn ngữ SQL cho yêu cầu “Hãy cho biết tên các phòng ban có số lượng nhân viên trên 20?”.

- SELECT TenPB FROM NHANVIEN n, PHONGBAN p WHERE n.Phg = p.MaPB HAVING count(MANV) > 20
- ✓ SELECT TenPB FROM NHANVIEN n, PHONGBAN p WHERE n.Phg = p.MaPB GROUP BY TenPB HAVING count(MANV) > 20
- SELECT TenPB FROM NHANVIEN n, PHONGBAN p GROUP BY TenPB WHERE count(MANV) > 20
- SELECT TenPB FROM NHANVIEN n, PHONGBAN p WHERE n.Phg = p.MaPB GROUP BY TenPB HAVING count(MAPB) > 20